

Số: 3263/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1954/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2063/TTr-SNN ngày 14/11/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thay thế Quyết định 1954/QĐUBND ngày 18/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 06/01/2010 về việc công bố bổ sung Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Cổng thông tin CCHC tỉnh;
- Lưu: VT; DL, LT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Chiến Thắng



Phần I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH KHÁNH HÒA**

(Ban hành Kèm theo Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2014
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực lâm nghiệp: 28 thủ tục hành chính	
1	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp, gồm: lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống trồng; cây mẹ; cây đầu dòng (hoặc vườn cung cấp hom)
2	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô cây con
3	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống
4	Thủ tục chặt nuôi dưỡng rừng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý
5	Cải tạo rừng tự nhiên là rừng sản xuất (đối với chủ rừng: không phải hộ gia đình, cá nhân, không phải Vườn quốc gia, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ NN và PTNT)
6	Chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác lập
7	Phê duyệt phương án khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu hàng năm của chủ rừng là tổ chức
8	Phê duyệt Phương án khai thác của chủ rừng là tổ ch
9	Phê duyệt phương án điều chế rừng hoặc Phương án quản lý rừng bền vững
10	Cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên của chủ rừng là tổ chức.
11	Khai thác, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là tổ chức
12	Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại của các chủ rừng là tổ chức thuộc tỉnh
13	Khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình hoặc sử dụng vào mục đích khác không phải lâm nghiệp của các tổ chức
14	Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh hay các hoạt động khai thác lâm sinh, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đạo tạo nghề
15	Khai thác tận dụng gỗ cây đứng đã chết khô, chết cháy, đổ gãy; tận thu gỗ nằm, gốc rễ, cành nhánh của chủ rừng là tổ chức
16	Khai thác tre nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của

17	Phê duyệt phương án Phòng cháy chữa cháy rừng cho các chủ rừng là tổ chức
18	Phê duyệt hồ sơ thiết kế bảo dưỡng đường ranh cản lửa
19	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý
20	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý
21	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đối với khu rừng đặc dụng do UBND tỉnh quyết định thành lập
22	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý
23	Thẩm định, phê duyệt dự án du lịch sinh thái do Ban quản lý khu rừng đặc dụng tự tổ chức hoặc liên kết hoặc liên doanh mà không thành lập pháp nhân với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí tại khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý
24	Thẩm định, phê duyệt dự án cho thuê môi trường rừng đặc dụng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý
25	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý
26	Thẩm định và phê duyệt dự án lâm sinh (đối với đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh quản lý)
27	Xin miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng
28	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác
II. Lĩnh vực Kiểm lâm: 13 thủ tục hành chính	
01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục I của Công ước CITES.
02	Thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký Trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại các Phụ lục II và III của Công ước CITES
03	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, không quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES.
04	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại

05	Thủ tục giao nộp gấu cho nhà nước
06	Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển gấu
07	Thủ tục cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu
08	Thủ tục cho thuê rừng đối với tổ chức
09	Thủ tục giao rừng đối với tổ chức
10	Thủ tục thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (<i>chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài</i>)
11	Thủ tục thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay giải thể, phá sản
12	Thủ tục thu hồi rừng đối với các trường hợp quy định tại điểm e, g, h và điểm i khoản 1 Điều 26 Luật bảo vệ và phát triển rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (<i>chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài</i>).
13	Thủ tục hành chính đóng búa kiểm lâm gỗ tròn, gỗ xẻ
III.Lĩnh vực Chăn nuôi Thú y: 08 thủ tục hành chính	
01	Cấp, gia hạn, cấp lại chứng chỉ hành nghề xét nghiệm bệnh, phẫu thuật động vật
02	Cấp, gia hạn, cấp lại chứng chỉ hành nghề tiêm phòng, chẩn đoán, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật
03	Cấp, gia hạn, cấp lại chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y
04	Kiểm dịch động vật vận chuyển trong nước
05	Kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong nước
06	Thẩm định điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở
07	Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở
08	Công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật
IV.Lĩnh vực Bảo vệ thực vật:10 thủ tục hành chính	
01	Cấp/Cấp lại giấy chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật
02	Cấp/Cấp lại chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

03	Chứng nhận huấn luyện chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật
04	Cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa
05	Cấp lại chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa
06	Cấp chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa
07	Cấp lại chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa
08	Cấp thẻ xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa
09	Cấp lại thẻ xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa
10	Đăng ký quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật.
V	Lĩnh vực Thủy lợi: 08 thủ tục hành chính
01	Cấp phép cho các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.
02	Cấp giấy phép cho hoạt động nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây tác hại khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi
03	Cấp giấy phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.
04	Cấp giấy phép cho hoạt động trồng cây lâu năm thuộc loại rễ ăn sâu trên 1m trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi
05	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1, 2, 6, 7, 8, 10 Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004. (1. Xây dựng công trình mới hoặc nâng cấp công trình đã có; 2. Khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản và khoan, đào thăm dò, khai thác vật liệu xây dựng; 6. Xây dựng kho, bến, bãi bốc dỡ; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; 7. Xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy sản; 8. Chôn phế thải, chất thải; 10. Xây dựng các công trình ngầm, bao gồm: đường ống dẫn dầu, cáp điện, cáp thông tin, đường ống cấp thoát nước)
06	Cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi
07	Điều chỉnh, gia hạn nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi
08	Điều chỉnh, gia hạn nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi

VI. Lĩnh vực Nuôi trồng thủy sản: 06 thủ tục hành chính	
1	Thủ tục cấp và gia hạn chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y thủy sản và xét nghiệm bệnh thủy sản
2	Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y thủy sản và xét nghiệm bệnh thủy sản
3	Thủ tục Cấp và gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y cho cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản và cơ sở nuôi trồng thủy sản
4	Thủ tục Cấp và gia hạn giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y thủy sản
5	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản vận chuyên trong nước
6	Thủ tục kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu
VII. Lĩnh vực Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản: 13 thủ tục hành chính	
1	Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (bị mất, rách, hư hỏng)
3	Thủ tục đăng ký, đăng kiểm tàu cá đối với tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu
4	Thủ tục cấp giấy Chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới
5	Thủ tục đăng ký thuyền viên và cấp Sổ Danh bạ thuyền viên
6	Cấp giấy Chứng nhận đăng ký bè cá
7	Thủ tục cấp giấy Chứng nhận đăng ký tàu cá cải hoán
8	Thủ tục kiểm tra cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá
9	Thủ tục đăng ký tàu cá nhập khẩu
10	Thủ tục đăng ký tàu cá không thời hạn (đối với tàu cá nhập khẩu)
11	Thủ tục đăng ký tạm thời (đối với tàu cá nhập khẩu)
12	Thủ tục xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác
13	Thủ tục Cấp chứng nhận thủy sản khai thác
VIII. Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: 05 thủ tục hành chính	
1	Kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản thủy sản
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn
3	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm.
4	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả.
5	Đăng ký lần đầu xác định nội dung quảng cáo thực phẩm
6	Đăng ký lại xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm
IX. Lĩnh vực Phát triển nông thôn: 04 thủ tục hành chính	

01	Thủ tục cấp giấy công nhận nghề truyền thống
02	Thủ tục cấp giấy công nhận làng nghề
03	Thủ tục cấp giấy công nhận làng nghề truyền thống
04	Thủ tục thu hồi giấy công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống
X.Lĩnh vực Phòng Nghiệp vụ Tổng hợp:04 thủ tục hành chính	
01	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y thủy sản.
02	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy
03	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale - CFS)
04	Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS)
XI. Lĩnh vực Phòng Quản lý chất lượng công trình: 02 thủ tục hành chính	
01	Thủ tục Thẩm định thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi thuộc nhóm B
02	Thủ tục Thẩm định thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi thuộc nhóm C